Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang
Chương: 014

Biểu số 1
(Ban hành kèm theo TT số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2019 của Bộ Tài chính

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 34 /QĐ-CTHADS ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Cục THADS tỉnh Tuyên Quang)

Đvt: 1000Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó							
				Văn phòng Cục	Chi cục THADS Chiêm Hóa	Chi cục THADS Hàm yên	Chi cục THADS Na hang	Chi cục THADS Sơn Dương	Chi cục THADS Yên Sơn	Chi cục THADS Thành phố	Chi cục THADS Lâm Bình
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**										
1	Số thu phí, lệ phí	1.086.000	1.086.000	53.000	56.000	95.000	15.000	110.000	421.000	264.000	72.000
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	692.327	692.327	33.788	35.700	60.563	9.563	70.125	268.388	168.300	45.900
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	393.673	393.673	19.212	20.300	34.437	5.437	39.875	152.612	95.700	26.100
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**17.215.446**	**17.215.446**	**5.917.196**	**1.509.329**	**1.391.789**	**1.051.811**	**2.134.805**	**1.699.843**	**2.589.708**	**920.965**
1	**Chi quản lý hành chính (Loại 340-341)**	**17.215.446**	**17.215.446**	**5.917.196**	**1.509.329**	**1.391.789**	**1.051.811**	**2.134.805**	**1.699.843**	**2.589.708**	**920.965**
1.1	Kinh phí thực hiện chế đô tự chủ	16.711.093	16.711.093	5.585.343	1.479.329	1.374.289	1.041.811	2.104.805	1.669.843	2.544.708	910.965
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	504.353	504.353	331.853	30.000	17.500	10.000	30.000	30.000	45.000	10.000
2	**Nghiên cứu khoa học**										